**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**KHỐI 10 NĂM HỌC 2020-2021**

# MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 10 CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

**I . PHẦN ĐỌC – HIỂU**

**I.1 Các kiến thức chung**

**1/. Phong cách ngôn ngữ:**

- Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

# 2/ Phương thức biểu đạt:

- Phương thức biểu đạt tự sự

- Phương thức biểu đạt miêu tả

- Phương thức biểu đạt biểu cảm

- Phương thức biểu đạt thuyết minh

- Phương thức biểu đạt nghị luận

- Phương thức biểu đạt hành chính – công vụ

# 3/ Các biện pháp tu từ:

**- Điệp từ/ngữ/cấu trúc:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.

**- Đối** : Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa cho sự diễn đạt, nhằm thể hiện ý nghĩa nào đó.

**So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc

**- Ẩn dụ:** Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.

**- Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người

**- Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc

**- Nói giảm:** Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng

**- Thậm xưng:** Tô đậm, phóng đại về đối tượng.

**- Câu hỏi tu từ:** Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định…)

**- Đảo ngữ:** Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên.

- **Phép liệt kê:** Liệt kê là cách sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại (nhưng khác nhau về từ ngữ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.

# 4/ Các phép liên kết

***- Phép nối***-> Tác dụng: Liên kết câu, tạo nên quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu: quan hệ bổ sung, tương phản, nguyên nhân – hệ quả, thời gian.

***- Phép thế*** -> Tác dụng: Liên kết câu, tránh lặp từ ngữ.

***- Phép tỉnh lược***->Tác dụng: Liên kết câu, tránh lặp từ.

***- Phép lặp từ vựng***->Tác dụng: Liên kết câu, nhấn mạnh ý.

- Phép liên tưởng->Tác dụng: Liên kết các câu cùng hướng về chủ đề chính của văn bản, bộc lộ rõ nội dung.

**I.2. Các cấp độ kiến thức:** 1/ Nhận biết: (3 câu) 2/ Thông hiểu: (2 câu) 3/ Vận dụng ( 1 câu)

***( Các kiến thức kiểm tra xem ở phần cuối cấu trúc đề kiểm tra)***

# I.3. Ngữ liệu đọc hiểu:

- Một văn bản hoặc đoạn trích thuộc thể Phú, Cáo, nghị luận trung đại ngoài chương trình.

- Đọc hiểu một văn bản văn xuôi tự sự trung đại ngoài chương trình.

# II. LÀM VĂN

**II.1/ Kiến thức chung về làm văn:**

# 1/ Dàn ý bài văn nghị luận

- Dàn ý bài văn nghị luận gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

**-** Vận dụng lí thuyết để lập dàn ý cho một đề văn cụ thể.

# 2/Lập luận trong văn nghị luận:

- Khái niệm:

**-** Cách xây dựng lập luận.

- Học sinh phải xây dựng được lập luận trong bài nghị luận cụ thể.

# 3/ Các thao tác nghị luận

**-** Học sinh vận dụng các thao tác đó một cách hợp lí và sáng tạo để tạo lập được những văn bản nghị luận có sức thuyết phục.

- Học sinh nhận diện chính xác các thao tác: Phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp và so sánh trong các ngữ liệu cho sẵn.

# II.2/ Viết bài làm văn nghị luận: (Kết hợp kiến thức, kĩ năng của phần Làm văn với tác phẩm đọc văn để viết bài văn)

1/ Viết bài văn nghị luận về văn bản hoặc đoạn trích bài “Phú sông Bạch Đằng” của tác giả Trương Hán Siêu.

2/ Viết bài văn nghị luận về văn bản hoặc đoạn trích bài “ Đại cáo bình Ngô” của tác giả Nguyễn trãi

**3/** Viết bài văn nghị luận về văn bản hoặc đoạn trích bài “ Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” của tác giả Nguyễn Dữ.

**4/** Viết bài văn nghị luận về đoạn trích :“ Hồi trống Cổ thành” của tác giả La Quán Trung.

**5.** Viết bài văn nghị luận về văn bản hoặc đoạn trích bài “ Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” của tác giả Thân Nhân Trung.

# II. 3/ Một số kiến thức về tác giả, tác phẩm:

**3.1Tác phẩm: *Phú sông Bạch Đằng*** (Trương Hán Siêu)

1.1. Tác giả (những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp)

1.2. Bài thơ:

*a/ Đoạn 1*: Giới thiệu về nhân vật khách:

+ Là người có tâm hồn phóng khoáng, tự do, thích du ngoạn. Ưa hoạt động, ham hiểu biết.

+ Cảm xúc của khách khi đến sông Bạch Đằng: Cảm hứng thiên nhiên chan hoà với cảm hứng lịch sử, tâm hồn “khách” luyến tiếc ngậm ngùi về thời qúa khứ đã qua, thời quá khứ oanh liệt hào hùng của dân tộc. Khách vừa vui, tự hào, vừa buồn, nuối tiếc khi đến sông Bạch Đằng.

*b. Đoạn 2*: Câu chuyện lịch sử của Bạch Đằng giang qua sự hồi tưởng của các bô lão:

+ Giới thiệu về trận đánh của hai ông vua nhà Trần (Trần Nhân Tông và Trần Thánh Tông), là trận đánh kinh thiên động địa: trận thuỷ chiến được khắc hoạ cô đọng hàng loạt hình ảnh nói lên sự mãnh liệt hùng dũng.

+ Kẻ địch có lực lượng hùng mạnh, lại thêm mưu ma chước quỷ. Ta chiến đấu trên chính nghĩa, vì chính nghĩa nên thuận lẽ trời. Thêm vào đó, ta lại có địa lợi, nhân hoà là những yếu tố quyết định của chiến thắng.

-> Cảm xúc trữ tình thành cảm xúc anh hùng ca. Những chiến công ở sông Bạch Đằng lừng danh không chỉ đối với thời đại mà, ý nghĩa mãi mãi với lịch sử dân tộc.

*c.* Đoạn 3: Bình luận về chiến thắng trên sông Bạch Đằng: Theo binh pháp cổ muốn thắng có 3 nhân tố cơ bản (thiên....địa...nhân...). Các bô lão chỉ ra: sự trợ giúp của trời; tài năng của người chèo lái cuộc chiến: con người có tài, nhân vật xuất chúng, đảm đương gánh nặng mà non sông giao phó. Sự anh minh của hai vua Trần, đặc biệt là Tiết chế Quốc công Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn có tài thao lược, có tầm nhìn chiến lược đáng được muôn đời ca ngợi.

*d.* Đoạn 4:

+ Lời ca các bô lão: Nhấn mạnh lẽ đời mang tính quy luật: bất nghĩa tiêu vong; anh hùng lưu danh.

+ Lời ca của khách: Ca ngợi sự anh minh, công đức của hai ông vua nhà Trần và ca ngợi đạo đức, lẽ sống tốt đẹp của dân tộc.

- Giá trị nghệ thuật: Ngôn ngữ tráng lệ, giàu hình ảnh; tác giả sử dụng điển tích, điển cố rất tài tình; giộng điệu hào hùng, ngợi ca...

**3.2. Tác phẩm: *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi)**

\* Tác giả: những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp.

\* Bài thơ: Hoàn cảnh sáng tác

***a. Đoạn 1:*** Tác giả Nguyễn Trãi nêu *nguyên lí chính nghĩa* làm chỗ dựa, làm căn cứ xác đáng để triển khai toàn bộ nội dung *Đại cáo bình Ngô* . Nguyên lí chính nghĩa thể hiện hai nội dung:

+ Tư tưởng nhân nghĩa: “nhân nghĩa” là “yên dân trừ bạo”

+ Chân lí về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt.

***b. Đoạn 2:*** Bản cáo trạng đanh thép tội ác của giặc Minh

+ Vạch trần âm mưu xâm lược của giặc Minh: Nguyễn Trãi đứng trên lập trường của dân tộc để vạch trần luận điệu “ phù Trần diệt Hồ” của giặc Minh . Đó chỉ là cái cớ để xâm lược nước ta.

+ Lên án chủ trương cai trị thâm độc và những tội ác của giặc Minh: Nguyễn Trãi đứng trên lập trường nhân bản để lên án tố cáo những chủ trương phản nhân đạo của giặc Minh . Tác giả không chỉ đứng trên lập trường nhân bản, hơn nữa đứng về quyền sống của

người dân vô tội để tố cáo, lên án giặc Minh, Đại cáo bình Ngô chứa đựng những yếu tố của bản tuyên ngôn nhân quyền.

***c.* Đoạn 3:** Kể lại diễn biến của cuộc chiến từ mở đầu đến thắng lợi hoàn toàn, nêu cao sức mạnh của tư tưởng nhân nghĩa và sức mạnh của lòng yêu nước kết tinh thành sức mạnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

# 3.3 Tác phẩm: Chuyện chức phán sự đền Tản Viên ( Nguyễn Dữ)

a/ Tác giả: Nguyễn Dữ: Nguyễn Dữ là một nhà văn nổi tiếng của thế kỉ 16 với tác phẩm đề đời là Truyền kì mạn lục

b/ Tác phẩm:

- Là tác phẩm bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, ra đời vào đầu thế kỉ 16, viết theo thể loại truyền ki. Truyền kì là một thể loại truyện hư cấu, nhiều yếu tố thần thánh. Đây không chỉ là một câu chuyện đơn thuần mà ý nghĩa sâu xa hơn là vạch trần và phê phán xã hội phong kiến đương thời.

- Tóm tắt hoặc nêu nội dung chính của tác phẩm:

*Câu chuyện kể về Nhân vật Ngô Tử Văn là một người khẳng khái cương trực. Trước sự nhiễu loạn và gây ra biết bao tai họa cho người dân của tên hung thần là hồn ma của tên giặc xâm lược phương Bắc họ Thôi, Vương Tử Văn đã đốt đền. Tên giặc họ Thôi đã kiện đến địa phủ. Thổ thần đã báo mộng cho Vương Tử Văn biết sự thật ngôi đền đó là của thổ thần nhưng bị hồn ma họ Thôi chiếm và bày cách để Vương Tử Văn lấy lại công đạo.*

*Sau khi gặp Diêm Vương, Ngô Tử Văn đã kể lại tội ác của tên giặc họ Thôi và giúp thổ thần lấy lại ngôi đền. Khi công lý được lập lại kẻ ác bị tiêu diệt, Ngô Tử Văn được tiến cử làm phán sự đền Tản Viên.*

**- Nội dung** phân tích: Vẻ đẹp nhân vật Ngô Tử Văn:

+ Giới thiệu nhân vật: Lai lịch xuất thân, tính tình

+ Những hành động, việc làm, thái độ của NTV để khẳng định vẻ đẹp phẩm chất: Hành động đốt đền:

Khi đối diện với tên Bách hộ họ Thôi:

Đối diện với Thổ công:

Cuộc xử kiện tại minh ti ( âm phủ)

# - Những ngụ ý phê phán:

+ *Hồn ma tướng Minh giả mạo Thổ công*: sống, chết đều hung ác, xảo quyệt, tham lam, hại dân, hại thần và đã bị Diêm Vương - đại diện công lí trừng trị đích đáng.

*+ Hiện tượng oan trái, bất công từ cõi trần đến cõi âm:* kẻ ác làm càn được bao che, thánh thần ở cõi âm cũng tham nhũng để cái ác lộng hành. Diêm Vương cộng sự quan liêu, xa dân, để bao người tốt chịu oan ức, bất công, ngang trái.

**+** Ý nghĩa của lời bình ở cuối văn bản: Người tốt sẽ được tôn vinh, kẻ xấu, kẻ ác sẽ bị nguyền rủa. Tử Văn chết nhưng tiếng tốt lưu đến ngàn đời sau. Người như Tử Văn đáng được kính trọng, ca ngợi. Bên cạnh đó, lời bình ở cuối văn bản còn nhằm đề cao bản lĩnh của kẻ sĩ, khuyến khích, động viên kẻ sĩ phải dũng cảm, tự tin đứng lên chiến đấu với cái xấu, cái ác, đừng bao giờ “thấy sóng cả mà ngã tay chèo”. Đây là sự khẳng định ý nghĩa tích cực trong tư tưởng của nhà nho tài đức Nguyễn Dữ.

# - Nghệ thuật kể chuyện và vai trò của yếu tố kì ảo

+ NT kể chuyện hấp dẫn, kể chuyện theo thời gian, biến hoá linh hoạt, tự nhiên và lô gích; thắt nút, mở nút hợp lí.

+ Yếu tố kì ảo dày đặc, xen lẫn chuyện người, chuyện thần, chuyện ma, thế giới thực ảo, trần thế, địa ngục… làm cho câu chuyện hấp dẫn.

**3.4. Tác phẩm: Hổi Trống Cổ Thành ( La Quán Trung) a/ Tác giả:** La Quán Trung (1330 – 1400)

**b/ Tác phẩm:**

- Xuất xứ tác phẩm TQDN: Căn cứ vào l/s, dã sử, truyện kể dân gian, kịch dân gian. Đến thời Thanh, Mao Tôn Cương chỉnh lý, viết lời bình (120 hồi).

- vị trí đoạn trích: Trích hồi thứ 28.

- Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi

- Tóm tắt đoạn trích: Đoạn trích Hồi trống Cổ Thành thuộc hồi 28.

*Quan Công đưa hai chị sang Nhữ Nam. Kéo quân đến Cổ Thành thì nghe nói Trương Phi đang ở đó. Quan Công mừng rỡ sai Tôn Càn vào thành báo Trương Phi ra đón hai chị.*

*Trương Phi khi ấy đang tức giận, nghe tin báo liền sai quân lính mở cổng thành, rồi một mình một ngựa vác bát xà mâu lao đến đòi giết Quan Công. Quan Công bị bất ngờ nhưng rất may tránh kịp nên không mất mạng. Đang nóng giận, Trương Phi nhất quyết không chịu ghi nhận lòng trung của Quan Công dù cả hai vị phu nhân đã hết lời thanh minh sự thật.*

*Giữa lúc đang bối rối thì đột nhiên ở đằng xa, Sái Dương mang quân Tào đuổi tới. Trương Phi càng thêm tức giận, buộc Vân Trường phải lấy đầu ngay tên tướng đó để chứng thực lòng trung. Quan Công không nói một lời, múa long đao xô lại. Chưa đứt một hồi trống giục, đầu Sái Dương đã lăn dưới đất. Bấy giờ, Phi mới tin anh là thực. Phi mời hai chị vào thành rồi cúi đầu sụp lạy xin lỗi Quan Công.*

- Nội dung:

\* Cảm nhận về hình tượng nhân vật:

+ **Nhân vật Trương Phi**:Trương Phi là người ngay thẳng, nóng nảy, nhưng có tính cách đáng quý trọng là cương trực, phân minh, biết giữ chữ tín và lòng trung thành.

+ **Nhân vật Quan Công**: Quan Công là một dũng tướng, trung tín, khéo léo, hiểu thời thế, Ông còn là một người độ lượng, tuyệt nghĩa, một người có bản lĩnh, thể hiện việc chưa dứt 1 hồi trống đã lấy đầu Sái Dương, người bản lĩnh, dũng cảm, khí phách oai phong.

\* Ý nghĩa của hồi trống Cổ Thành:

- Tạo không khí chiến trận cho hồi kể

- “Hồi trống” là chi tiết nghệ thuật mang nhiều ý nghĩa:

+ Hồi trống thách thức

+ Hồi trống giải oan

+ Hồi trống đoàn tụ

+ Biểu dương tinh thần cương trực của Trương Phi, lòng trung nghĩa của Quan Công.

+ Ca ngợi tình nghĩa vườn đào của ba anh em Lưu – Quan – Trương.

- Nghệ thuật:

+ Xây dựng tình huống với những chi tiết giàu kịch tính.

+ Dẫn dắt truyện khéo léo để bộc lộ rõ tính cách của nhân vật.

+ Lời kể hấp dẫn và ngôn ngữ miêu tả sinh động đã làm nổi bật lên hình tượng các nhân vật.

**3.5/ Tác phẩm: Hiên tài là nguyên khí của quốc gia ( Thân Nhân trung) a/ Tác giả**: Thân Nhân Trung ( 1418-1499)

**b/ Tác phẩm:**

**- Hoàn cảnh ra đời:** Bài kí được khắc vào bia đá năm 1484 – thời Hồng Đức

**- Vai trò:** Bài văn bia giữ vai trò quan trọng như lời tựa chung cho 82 tấm bia ở Văn Miếu- Hà Nội.

# - Nội dung:

**+ Vai trò của hiền tài đối với quốc gia dân tộc:**

**.** Người hiền tài là nguyên khí của đất nước, đóng vai trò quan trọng, quyết định hưng thịnh, suy vi của quốc gia

. Nhà nước từng trọng đãi hiền tài, đề cao danh tiếng, phong chức tước, cấp bậc, ghi tên bảng vàng, ban yến tiệc... chưa xưng với vai trò, vị trí của hiền tài, cần khắc bia tiến sĩ lưu danh sử sách

**+ *3. Ý nghĩa, tác dụng của việc khắc bia, ghi tên tiến sĩ:***

. Lưu danh của hiền tài muôn đời, thể hiện sự coi trọng người hiền tài.

. Khuyến khích được các hiền tài gắng sức giúp vua, giúp nước.

. Noi gương hiền tài, ngăn ngừa điều ác

**+ Bài học lịch sử rút ra từ việc khắc bia ghi tên tiến sĩ**: Dù trong thời đại nào, hiền tài cũng là nhân tố quan trọng để phát triển đất nước. Do đó, cần phát triển giáo dục, đưa ra nhiều chính sánh ưu đãi, thu hút nhân tài.

# - Nghệ thuật:

+ Lập luận chặt chẽ, rõ ràng.

+ Sự hoà quyện giữa chất trữ tình và nghị luận.

**III. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA:**

**Phần I. Đọc - hiểu (4,0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau đây và thực hiện các yêu cầu:

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

…………….

**Câu 1,2,3: (mỗi câu 0,5 điểm) *Kiểm tra năng lực đọc - hiểu từ phần dẫn, tương ứng với một trong các yêu cầu:***

- Nhận diện tác phẩm, tác giả. Nhận diện Phương thức biểu đạt. Nhận diện phong cách ngôn ngữ.

--Nhận diện thao tác nghị luận. Nhận diện phương pháp lập luận. Nhận biết câu chủ đề của đoạn văn. Nhận biết kiểu từ (theo cấu tạo, theo từ loại)

- Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản hoặc đoạn trích.

- Chỉ ra những thông tin trong văn bản hoặc đoạn trích.

**Câu 4,5 (mỗi câu 0,75 điểm**) ***Nêu được một số vấn đề sau:***

- Hiểu được các đặc sắc về nội dung của văn bản hoặc đoạn trích: chủ đề, tư tưởng...

- Hiểu được đặc sắc nghệ thuật của văn bản hoặc đoạn trích: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ..

- Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản hoặc đoạn trích.

# Câu 6: (1,0 điểm)

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản.

- Rút ra được bài học, thông điệp từ nội dung văn bản.

**Phần II. Làm văn (6 điểm)**

**Viết bài làm văn nghị luận:** (Kết hợp kiến thức, kĩ năng của phần Làm văn với tác phẩm đọc văn để viết bài văn nghị luận văn học)

# ---------------------------- Hết----------------------------